

Số: /QĐ-UBND Hiệp Hòa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 642/TTr-TNMT ngày 26/5/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phát an sinh, địa chỉ tại thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án gia công chần ga, gối, nệm”, địa chỉ thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án gia công chần ga, gối, nệm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400957407, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2023. Cơ quan cấp: phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.

1.4. Mã số thuế: 2400957407

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nệm lò xo, nệm mút, chần, gối dùng cho dân dụng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với diện tích khoảng 774m².

- Quy mô, công suất của dự án: Nệm mút 1.000 cái/năm; Nệm lò xo 600 cái/năm; Chăn 1.000 cái/năm; Gói 1.000 cái/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 5** ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phát An Sinh được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phát An Sinh có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phát An Sinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án gia công chần ga, gối, nệm” tại thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phát An Sinh được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Hoàng An, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phát An Sinh, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT (lưu h/s);
- UBND xã Hoàng An;
- LĐVP, CV KTNN;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Thảo

PHỤ LỤC**Nội dung Giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường****Dự án “Dự án gia công chần ga, gối, nệm”**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Hiệp Hoà)

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:** 01 nguồn nước thải.

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên, người lao động làm việc tại dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể xử lý nước thải 5 ngăn đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại hố ga thoát nước thải sau hệ thống xử lý.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2364888,3, Y: 393823,7 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ tương đương $0,125\text{m}^3/\text{giờ}$ (tính theo 08 giờ làm việc).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ/ngày), chu kỳ xả: xả hàng ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi và các quy chuẩn hiện hành là QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-
2	pH	-	5,5 ÷ 9	
3	BOD ₅	mg/L	50	
4	COD	mg/L	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100	
6	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	0,5	
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	
8	Tổng Nitơ	mg/L	40	
9	Tổng Photpho	mg/L	6	
11	Coliform	MPN/ 100 mL	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, bồn rửa, mặt sàn,...) được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải dung tích 8m³.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh chung theo đường ống nhựa PVC D100, đặt ngầm dưới nhà vệ sinh dẫn về bể tự hoại 3 ngăn.

+ Nước thải từ nhà bếp: Được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ (Dung tích 1 m³). Bể tách dầu mỡ được bố trí ở sau khu nhà ăn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh → xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (ngăn lắng 1 → ngăn lắng 2 và phân huỷ sinh học → ngăn 3 chảy tràn (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) → Mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa.

- Công nghệ xử lý: Xử lý yếm.
- Công suất thiết kế: dung tích bể tự hoại 3 ngăn là 8m³.
- Hoá chất sử dụng: Men vi sinh BI EM N1: 01 kg/tháng;

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa:

- Duy trì, bảo dưỡng các hệ thống mương rãnh thoát nước;
- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy và

kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống thu gom nước thải nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc xây mới.

- Để giảm thiểu khả năng kéo theo rác bần bề mặt, đất cát vào hệ thống thoát nước chung dự án có các biện pháp sau đây:

+ Tại các điểm đầu nổi có đặt các song chắn rác và hố ga. Các hố ga này giúp loại trừ khả năng tắc đường ống, tắc mương dẫn do rác thải cũng như giúp thuận tiện cho công tác duy tu, bảo dưỡng;

+ Yêu cầu công nhân thu gom rác triệt để, không vớt rác bừa bãi ra môi trường cuối vào cống rãnh thoát nước.

* Biện pháp ứng phó:

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị thu gom để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung thôn Bảo An, xã Hoàng An. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành công trình xử lý nước thải của Dự án.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành công trình xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

01 nguồn thải khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải: Toàn bộ bụi, khí thải phát sinh tại dự án được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý tập trung, khí thải sau khi xử lý theo ống thoát khí ra ngoài môi trường.

- Vị trí xả khí thải: Nhà xưởng của Dự án tại thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang ống thoát khí thải có tọa độ: X: 2364899.197; Y: 393842.684 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 300 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/BTNMT
1	SO ₂	Mg/Nm ³	500	-
2	NO _x	Mg/Nm ³	850	-
3	Bụi tổng	Mg/Nm ³	200	-
4	CO	Mg/Nm ³	1000	-
5	Benzen	Mg/Nm ³	-	5
6	Toluen	Mg/Nm ³	-	750
7	Xylen	Mg/Nm ³	-	870

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn thải: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất mứt (trong hệ thống máy tạo bột) được quạt hút, hút tập trung vào hệ thống chụp hút và thu gom theo ống dẫn vào hệ thống xử lý khí thải (hơi VOC).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất mứt (trong hệ thống máy tạo bột) được quạt hút, hút tập trung vào hệ thống chụp hút và theo ống dẫn vào tháp hấp thụ. Tại đây khí thải có chứa hơi VOC, sol khí được đưa từ dưới lên và đi qua tấm chắn màng nước (dạng phun sương đi ngược chiều khí thải) để rửa bụi và hấp thụ một số chất khí tan được trong nước.

Khí thải sau khi qua tháp hấp thụ được đưa qua màng lọc sơ bộ (màng lọc bằng vải, đặt phía trước UV), tại đây hơi ẩm và tạp chất có trong khí thải sẽ được loại bỏ trước khi qua công đoạn xử lý bằng bức xạ cực tím (UV).

Khí thải sau khi qua công đoạn xử lý bằng bức xạ cực tím (UV + hấp phụ than hoạt tính) đạt QCVN 20:2009/BTNMT được thải ra môi trường qua ống thải cao 10m, đường kính 1,0m.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất mứt → chụp hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (quạt hút công suất 15kW) → Xử lý bằng bức xạ cực tím (UV + than hoạt tính) → Quạt hút → Môi trường (Môi trường (khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT)).

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (03 tấm than hoạt tính, kích thước mỗi tấm 1,1x0,9x0,05m). Định kỳ 6 tháng/1 lần thay thế tấm than hoạt tính mới để đảm bảo hiệu quả xử lý khí thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lấy mẫu và phân tích nồng độ bụi, khí thải đầu ra định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố, dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục, đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến vận hành thử nghiệm sau khi công trình được lắp ráp xong trong khoảng thời gian tháng 7 đến tháng 8/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải, công suất 5.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí, tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dự án, công suất 5.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất:

TT	Vị trí giám sát	Thời gian thử nghiệm	Số mẫu	Thông số	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải	+ Tối thiểu là 15 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 75 ngày. Thời gian cụ thể như sau:	05	Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, lưu lượng, Bụi, CO, NO _x , SO ₂	QCVN 19:2009/BT NMT, cột B và QCVN 20:2009/BT NMT
2	01 vị trí tại công đoạn cắt, đập	- Tháng 7,8/2023		Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, lưu lượng, Bụi, CO, NO _x	

Giai đoạn ổn định

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	- 01 vị trí điểm trích trên ống thoát khí thải	Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, lưu lượng, Bụi, CO, NO _x , SO ₂	01 ngày/01 lần. Lấy mẫu trong vòng 03 ngày. Thời gian cụ thể như sau:	03	QCVN 19:2009/B TNMT, cột B và QCVN 20:2009/B TNMT
2	01 vị trí tại công đoạn cắt, đập	Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, lưu lượng, Bụi, CO, NO _x , SO ₂	Tháng 9/2023		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả khí thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu ra), các thông số đặc trưng của khí

thải; loại và lượng vật liệu sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

02 vị trí tại xưởng sản xuất:

+ Nguồn 1: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải.

+ Nguồn 2: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của máy cắt, đập,...

- *Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:*

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0 .

+ Vị trí số 1: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải tọa độ: X: 2364894.484; Y: 393869.307.

+ Vị trí số 2: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của máy cắt, đập,... Tọa độ: X: 2364884.695; Y: 393859.183.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

Thông số	Giới hạn các thông số		
	QCVN 24:2016 (dBA)	QCVN 27:2016/BYT	
		Gia tốc rung (m/s^2)	Vận tốc dung ($(/m/s).10^{-2}$)
Tiếng ồn	85	-	-
Độ rung	-	1,4	2,8

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị máy móc hoạt động là một trong những nguồn ô nhiễm đặc trưng và chủ yếu của Dự án khi đi vào hoạt động. Do vậy chủ dự án sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Biện pháp công nghệ:

+ Nhập các thiết bị máy móc sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung;

+ Tự động hoá cao quá trình sản xuất;

+ Ngăn cách nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực nhà xưởng là nơi phát sinh tiếng ồn cao, do vậy chủ dự án quy hoạch khu vực sản xuất phù hợp.

+ Khi đi vào hoạt động, bộ phận bảo dưỡng lên kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy nhằm hạn chế phát sinh các nguồn gây ô nhiễm và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc.

- Biện pháp quản lý:

+ Chủ dự án sẽ trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như nút bịt tai, miếng che tai,... cho người lao động trực tiếp phải chịu tiếng ồn;

+ Bố trí thời gian lao động hợp lý cho người lao động nhằm giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn;

+ Kiểm tra sức khỏe định kỳ, đặc biệt là yếu tố thính lực;

+ Có các biện pháp tuyên truyền giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn đối với sức khỏe để người lao động biết và nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu như treo băng dôn, tổ chức các khóa huấn luyện về vấn đề an toàn và sức khỏe cho công nhân,...

- Giảm thiểu nguồn nhiệt:

+ Áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng theo phương pháp thông gió tự nhiên;

+ Lắp đặt hệ thống quạt hút, quạt thông gió trên toàn bộ nhà xưởng;

+ Bố trí các quạt điện công nghiệp tại các vị trí phát sinh nhiệt cao;

+ Các khu vực phòng kín được trang bị hệ thống máy điều hòa trung tâm;

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc.

Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của xưởng sản xuất đạt Quy chuẩn sau:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Thành phần	Đơn vị	Mã CTNH	Khối lượng
1	Vật liệu lọc, găng tay, giẻ lau quần áo dính dầu mỡ thải	Kg/năm	18 02 01	5
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Kg/năm	16 01 06	0,5
3	Ắc quy, pin thải bỏ	Kg/năm	16 01 12	1
4	Dầu nhớt, dầu mỡ máy từ quá trình bảo dưỡng máy móc thải bỏ	Kg/năm	17 02 03	3
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ thùng hóa chất bằng nhựa)	Kg/năm	18 01 03	4
6	Than hoạt tính thải bỏ	Kg/năm	12 01 04	10
Tổng		Kg/năm		23,5

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Dây đai, rỏ vải, rỏ nút	kg/tháng	10
2	Giẻ lau, quần áo, găng tay, khẩu trang, không dính chất gây hại thải	kg/tháng	1
3	Bao bì catton thải	kg/tháng	20
4	Giấy vụn	kg/tháng	1,1
5	Túi nylon	kg/tháng	0,5
Tổng		kg/tháng	32,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 5kg/ngày tương đương với 1.500 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa dung tích 60 lít đến 100 lít/thùng có nắp đậy dán nhãn phân loại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa: 3m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Mái lợp tôn dày 0,45mm; tường tôn dày 0,45mm; cửa đẩy; xà gồ thép hộp mạ kẽm; khung thép hộp mạ kẽm; lớp BTCT mặt nền dày 100mm mác 250# đá 1x2; đánh bóng mặt nền bằng sika, treo biển báo cảnh báo tại cửa ra vào.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí khoảng 02 thùng chứa dung tích 100 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Bố trí 01 kho chứa chất thải sản xuất

- Diện tích kho lưu chứa: 3m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải: Mái lợp tôn dày 0,45mm; tường tôn dày 0,45mm; cửa đẩy; xà gồ thép hộp mạ kẽm; khung thép hộp mạ kẽm; lớp BTCT mặt nền dày 100mm mác 250# đá 1x2; đánh bóng mặt nền bằng sika.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Tại khu vực văn phòng, nhà ăn: bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy dung tích: 6- 10lit/thùng.

+ Tại khu vực kho chứa chất thải: bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy dung tích: 120 lit/thùng.

2.3.2. Kho lưu chứa: Rác thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa rác, sau đó để tạm trong kho chứa rác thải sinh hoạt của nhà máy. Kho rác thải sinh hoạt được bố trí bên trong nhà xưởng có diện tích: 03m², dán biển báo theo quy định, thuận tiện cho đơn vị vệ sinh môi trường đến thu gom, vận chuyển mang đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng công trình xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với công trình xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho công trình xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của UBND huyện Hiệp Hòa)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi xả thải vào mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Bảo An, xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 642/TTr-TNMT ngày 26/5/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.